

Số: 535/QĐ-THKTS

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành đơn giá và tỷ lệ giảm giá quảng cáo, tài trợ
trên kênh VTC1 – Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC năm 2023

GIÁM ĐỐC ĐÀI TRUYỀN HÌNH KỸ THUẬT SỐ VTC

Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định 181/2013/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 14 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;

Căn cứ Thông tư 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ký ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-TNVN ngày 06/02/2018 của Tổng Giám đốc Đài TNVN quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC;

Căn cứ vào vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình kỹ thuật số VTC;

Căn cứ vào tình hình thực tế về công tác quảng cáo trên truyền hình VTC,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá quảng cáo, tài trợ trên sóng Truyền hình Kỹ thuật số VTC năm 2023 (có biểu giá đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 và thay thế cho các văn bản về giá quảng cáo trước đây của kênh VTC1.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng Phòng Tổ chức nhân sự, Kế hoạch – Tài chính, Trung tâm Quảng cáo, các phòng ban chức năng của Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC và các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc;
- Các Khách hàng Quảng cáo;
- Lưu VT, TTQC, HC.⁽²⁰⁾

GIÁM ĐỐC
ĐÀI TRUYỀN HÌNH KỸ THUẬT SỐ VTC
Trần Đức Thành

A. BIỂU GIÁ QUẢNG CÁO THỰC HIỆN NĂM 2023 TRÊN ĐÀI TRUYỀN HÌNH KỸ THUẬT SỐ VTC

(Ban hành kèm theo quyết định số 595 /QĐ-THKTS ngày 30 tháng 12 năm 2022)

1 - ĐƠN GIÁ QUẢNG CÁO:

(Đơn vị tính VNĐ/spot quảng cáo)

Mã giờ	Thời gian	Thứ	Thời điểm quảng cáo	Thời lượng/Giá quảng cáo (Đơn giá đã bao gồm 10% VAT)			
KÊNH VTC1							
Mã giờ				10 giây	15 giây	20 giây	30 giây
S1	06h05 - 07h00	T2 - CN	Trước, trong và sau chương trình	3.000.000	3.600.000	4.500.000	6.000.000
S2	06h05 - 07h00		Trước, trong và sau chương trình "Cuộc sống 24H"	2.500.000	3.000.000	3.750.000	5.000.000
S3	07h00-08h00	T2 - CN	Trong chương trình	3.000.000	3.600.000	4.500.000	6.000.000
S4			Trước/ Sau chương trình	2.500.000	3.000.000	3.750.000	5.000.000
S5	08h00-09h00	T2 - CN	Trước, trong và sau chương trình	2.500.000	3.000.000	3.750.000	5.000.000
S6	09h00-10h00	T2 - CN	Trước, trong và sau chương trình	3.500.000	4.200.000	5.250.000	7.000.000
S7	10h00-11h00	T2 - CN	Trước, trong và sau chương trình	5.000.000	6.000.000	7.500.000	10.000.000
S7.1	10h30-11h00	T7	Trước, trong và sau chương trình "VIỆT NAM ON"	7.500.000	9.000.000	11.250.000	15.000.000
S7.2	11h00-11h30	T2 - CN	Trước, trong và sau chương trình	6.000.000	7.200.000	9.000.000	12.000.000
S8	11h30-11h55	T2 - CN	Trước/ Sau "Bản tin Trưa"	6.000.000	7.200.000	9.000.000	12.000.000
S8.1	11h55-12h00	T2 - CN	Trước, trong và sau chương trình "Alo Bác Sĩ 24"	6.000.000	7.200.000	9.000.000	12.000.000
S8.2	12h00-12h10	T2 - T6	Trước, trong và sau chương trình "Phổ Bất Động Sản"	7.000.000	8.400.000	10.500.000	14.000.000
S9	12h10-13h00	T2 - T6	Trong Phim truyện	12.500.000	15.000.000	18.750.000	25.000.000
S10	12h00-13h00	T7-CN	Trước/ Sau Phim truyện	11.000.000	13.200.000	16.500.000	22.000.000
C1	13h00-13h15	T2 - T7	Trước, trong và sau chương trình/Chương trình "Bếp hồng" (T2-T6)	8.000.000	9.600.000	12.000.000	16.000.000
	13h00-13h30	CN	Trước, trong và sau chương trình "Tập chí Kinh tế và Tiêu dùng" (CN)	8.000.000	9.600.000	12.000.000	16.000.000
C2	13h15-14h00	T2 - T7	Trong Phim truyện	8.000.000	9.600.000	12.000.000	16.000.000
C3	13h15-14h00		Trước/ Sau Phim truyện	6.000.000	7.200.000	9.000.000	12.000.000
C3.1	13h00-14h00	T2 - CN	Trước, trong và sau chương trình	7.000.000	8.400.000	10.500.000	14.000.000
C4	14h00-16h00	T2 - CN	Trước, trong và sau chương trình	4.000.000	4.800.000	6.000.000	8.000.000
C5	16h00-17h00	T2 - CN	Trước, trong và sau chương trình	5.000.000	6.000.000	7.500.000	10.000.000

C6	17h00-18h00	T2 - CN	Trong Phim truyện	12.500.000	15.000.000	18.750.000	25.000.000
C7			Trước/ Sau Phim truyện	10.000.000	12.000.000	15.000.000	20.000.000
C7.1	17h50-18h00	T2-CN	Trước, trong và sau chương trình "Nhịp đập thị trường"	12.000.000	14.400.000	18.000.000	24.000.000
C8	18h00-18h30	T2 - CN	Trong chương trình "Chào buổi tối"	10.500.000	12.600.000	15.750.000	21.000.000
C9		T2 - CN	Trước/ Sau chương trình "Chào buổi tối"	10.000.000	12.000.000	15.000.000	20.000.000
C10	18h00-18h30	T2 - CN	Trước, trong và sau chương trình	9.000.000	10.800.000	13.500.000	18.000.000
Khung giờ từ 18h30 - 24h00				10 giây	15 giây	20 giây	30 giây
TT1	18h30-19h45	T2 - CN	Trước/ Sau Bản tin tối	16.500.000	19.800.000	24.750.000	33.000.000
T1.1.T	19h45-20h10	T2 - CN	Trong Phim truyện Việt Nam	17.500.000	21.000.000	26.250.000	35.000.000
T2.1.T/S			Trước/ Sau Phim truyện Việt Nam	16.500.000	19.800.000	24.750.000	33.000.000
T1.2.T	20h10-20h45	T2 - CN	Trong Phim truyện Nước ngoài	17.500.000	21.000.000	26.250.000	35.000.000
T2.2.T/S			Trước/ Sau Phim truyện Nước ngoài	16.500.000	19.800.000	24.750.000	33.000.000
T3	20h45-21h00	T2 - CN	Trước, trong và sau chương trình "Sống kết nối" (T2-T6,CN)/ "Xe+" (T7)	10.000.000	12.000.000	15.000.000	20.000.000
T4	21h00-22h00	T2 - T6	Trước/ Sau Phim truyện 21h00	16.500.000	19.800.000	24.750.000	33.000.000
T5			Trong Phim truyện 21h00	17.500.000	21.000.000	26.250.000	35.000.000
T5.1	19h45-23h00	T2 - CN	Trước, trong và sau chương trình	12.500.000	15.000.000	18.750.000	25.000.000
T6	21h00-23h00	T7	Trong Phim Điện ảnh cuối tuần	17.000.000	20.400.000	25.500.000	34.000.000
T6.1			Trước/ Sau Phim Điện ảnh cuối tuần	12.500.000	15.000.000	18.750.000	25.000.000
T6.1	21h00-23h00	CN	Trước, trong và sau chương trình đặc sắc cuối tuần	12.500.000	15.000.000	18.750.000	25.000.000
T7	22h00-23h00	T2 - T6	Trong chương trình "22+II"/ Bản tin	5.500.000	6.600.000	8.250.000	11.000.000
T8		T2 - T6	Trước/Sau chương trình "22+II"/ Bản tin	4.500.000	5.400.000	6.750.000	9.000.000
T9	23h00-23h30	T2 - CN	Trước, trong và sau chương trình	3.500.000	4.200.000	5.250.000	7.000.000
T10	23h30-24h00	T2 - CN	Trước, trong và sau chương trình	2.000.000	2.400.000	3.000.000	4.000.000
T11	Sau 24h00	T2 - CN	Trước, trong và sau chương trình	1.500.000	1.800.000	2.250.000	3.000.000

2. GIÁ QUẢNG CÁO DƯỚI HÌNH THỨC CHẠY CHỮ, LOGO, POP UP:

2.1 Chạy chữ được tính bằng 20% đơn giá quảng cáo tại cùng thời điểm và cùng thời lượng

2.2 Chạy Logo, popup 30% đơn giá quảng cáo tại cùng thời điểm và cùng thời lượng

2.3 Panel được tính bằng 50% đơn giá quảng cáo tại cùng thời điểm và cùng thời lượng

2.4 Các hình thức khác tùy theo nội dung và yêu cầu của khách hàng, hai bên sẽ cùng thỏa thuận.

3. BIỂU GIÁ CHƯƠNG TRÌNH TỰ GIỚI THIỆU DOANH NGHIỆP, SẢN PHẨM:

3.1 Các chương trình có độ dài dưới 3 phút được tính theo giá quảng cáo hiện hành.

3.2 Các chương trình có độ dài từ 3 phút trở lên giới thiệu về công nghệ, chi tiết sản phẩm, quy trình sản xuất, khả năng tài chính, quản lý đầu tư của doanh nghiệp ... phát sóng ngoài các chương trình phim và giải trí được tính bằng 15% đơn giá tại thời điểm quảng cáo (không được giảm giá nhưng được tính doanh số để giảm giá cho hợp đồng quảng cáo).

4. CÁC THÔNG TIN KHÔNG MANG TÍNH QUẢNG CÁO (PHÁT SÓNG GIỜ S5 & C5)

4.1 Tuyển sinh, mời họp mặt và một số thông tin đặc biệt trên VTC1 : 3.000.000 đ/50 giây

4.2 Thông tin mời thầu, đấu giá và kinh doanh bất động sản: 5.000.000 đ/50 giây

4.3 Tuỳ theo yêu cầu và nội dung quảng cáo của khách hàng đề 2 bên cùng thống nhất.

5. GHI CHÚ:

5.1 Giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%

5.2 Quảng cáo có thời lượng nhỏ hơn 10 giây được tính theo giá quảng cáo 10 giây.

5.3 Giá quảng cáo được tính theo mức chuẩn 10",15",20",30", các spot quảng cáo có thời lượng trên 30" (cụ thể: 40" = 30"+10"; 45" = 30" + 15"; 50" = 30" +20"...)

5.4 Chọn vị trí cộng thêm 5% đơn giá tại cùng thời điểm

5.5 Đối với các sự kiện thể thao, chương trình giải trí, phim truyện hoặc các chương trình khác được sản xuất mới hoặc được Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC đầu tư thêm chi phí... để gia tăng hiệu quả thu quảng cáo, Đài sẽ điều chỉnh giá hoặc bổ sung đơn giá quảng cáo mới cho phù hợp với thực tế.

B. TỶ LỆ GIẢM GIÁ QUẢNG CÁO NĂM 2023 TRÊN KÊNH VTC1

I. QUY ĐỊNH VỀ TỶ LỆ GIẢM GIÁ CHUNG

1. Doanh số tính giảm giá chung = Đơn giá (theo từng khung giá) x Số lần quảng cáo

2. Đối với khách hàng là các Công ty Quảng cáo tại Việt Nam:

STT	Doanh số quảng cáo sản phẩm (1.000 VNĐ)	Tỷ lệ giảm giá (%)
1	Dưới 3.000.000	30
2	Từ 3.000.000 đến 10.000.000	35
3	Trên 10.000.000 đến 25.000.000	40
4	Trên 25.000.000 đến 50.000.000	45

3. Đối với khách hàng trực tiếp là các nhà sản xuất hoặc đơn vị trực tiếp bán hàng (như đại lý, các DN...) có sản phẩm được phép quảng cáo tại Việt Nam.

STT	Doanh số quảng cáo sản phẩm (1.000 VNĐ)	Tỷ lệ giảm giá (%)
1	Dưới 1.000.000	30
2	Từ 1.000.000 đến 3.000.000	35
3	Trên 3.000.000 đến 10.000.000	40

II. QUY ĐỊNH GIẢM GIÁ ĐỐI VỚI MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ

1. Khách hàng hợp tác với Đài nhiều năm, khách hàng ký hợp đồng quảng cáo dài hạn, khách hàng ký hợp đồng có cam kết doanh số và lộ trình thực hiện, khách hàng thanh toán theo đúng hợp đồng, khách hàng thanh toán tiền trước, các thương hiệu mới. Mức giảm giá cụ thể được hai bên thoả thuận, dựa vào doanh số đạt được trong năm hoặc trong một thời gian nhất định.

2. Khách hàng hợp tác đầu tư sản xuất chương trình được hưởng tỷ lệ giảm giá theo mức độ đầu tư và hiệu quả kinh tế chương trình mang lại.

III. TỶ LỆ GIẢM GIÁ BỔ SUNG

1. Khách hàng đạt tổng doanh số trên mức quy định (50 tỷ đối với Công ty Quảng cáo và 10 tỷ đối với khách hàng trực tiếp) sẽ được hưởng mức giảm giá thêm 5% hoặc lớn hơn thì sẽ do Giám đốc Đài quyết định.
2. Khách hàng ký hợp đồng với Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC nếu thực hiện việc thanh toán tiền trước khi phát sóng quảng cáo được hưởng 3% chiết khấu thanh toán.
3. Khách hàng trong năm đạt doanh số vượt 200% so với mức được hưởng thì cứ 100% doanh số tăng thêm được hưởng thêm 3% giảm giá vào mức tỷ lệ giảm giá được hưởng. Nếu khách hàng đạt doanh số vượt trên 300% thì ngoài những mức được hưởng như ở trên khách hàng sẽ được hưởng mức ưu đãi giảm giá cụ thể cho từng hợp đồng.
4. Đối với các khách hàng trong năm có tham gia tài trợ để sản xuất chương trình hoặc quảng cáo trọn gói trong chương trình trên các kênh của Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC, thì tùy theo đặc thù của mỗi chương trình sẽ được xem xét quyền lợi của khách hàng vào cuối năm.
5. Các chương trình tài trợ sẽ áp dụng biểu giá quảng cáo tại thời điểm ký hợp đồng và được áp dụng ưu đãi về quyền lợi và tỷ lệ giảm giá do Giám đốc Đài quyết định tùy theo tính chất, nội dung chương trình, khung giờ phát sóng, hình thức và giá trị tài trợ
6. Đối với những trường hợp đặc biệt, Giám đốc Đài xem xét áp dụng mức giảm giá riêng.

Ghi chú:

1. Doanh số tính giảm giá bổ sung là doanh số được xác định theo thực tế xuất hóa đơn trong năm tài chính của Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC
2. Các cá nhân và các tổ chức thực hiện công việc môi giới quảng cáo thông qua các hợp đồng môi giới ký với Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC thì được hưởng tỷ lệ hoa hồng tối thiểu là 5%, trường hợp cao hơn sẽ do Giám đốc Đài quyết định (nếu là cá nhân thì phải khấu trừ thuế thu nhập).
3. Tỷ lệ giảm giá trên áp dụng đối với các hợp đồng kinh tế.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có những thay đổi về đơn giá quảng cáo và khung phát sóng chương trình, Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC và Trung tâm Quảng cáo sẽ thông báo trước 15 ngày cho khách hàng để thực hiện điều chỉnh.



Trần Đức Thành